

## VÀI NÉT VỀ TỤC GỬI GIỖ CỦA CƯ DÂN THĂNG LONG - HÀ NỘI (QUA KHẢO SÁT VĂN BIA)

T.S. NGUYỄN DOÃN TUẤN - TH.S. NGUYỄN THỊ THANH\*

**T**rong kho Hán Nôm của Ban Quản lý Di tích Danh thắng Hà Nội hiện đang lưu giữ trên 10.000 thác bản văn khắc, bao gồm: bia, chuông, khánh của 14 quận (huyện) thuộc Hà Nội cũ. Chỉ tính riêng hai huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận<sup>1</sup>, con số đó là 947 văn bia<sup>2</sup>. Đây là nguồn sử liệu rất quý và quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa của Thăng Long - Hà Nội, bởi nó phản ánh bức tranh toàn cảnh của xã hội dưới góc nhìn lịch sử từ thể loại bi kí.

Trong các loại văn khắc đang lưu giữ, bia gửi giỗ chiếm số lượng khá lớn so với các loại bia khác (54%). Nhìn đại thể, đây chỉ là loại bia có tính chất làm bằng chứng giao kèo giữa bên gửi giỗ và bên nhận tiền kèm theo những qui định cụ thể trong ngày cúng giỗ. Tuy nhiên, nội dung của những tấm bia này lại phản ánh rất nhiều về tư tưởng, văn hóa, phong tục, tập quán, kinh tế... của đời sống xã hội đương thời.

### 1. *Vài nét về tục gửi giỗ*

Tục gửi giỗ nảy sinh từ nhu cầu trong cuộc sống- mong muốn sau khi qua đời được hưởng sự thờ cúng mãi mãi. Đối tượng gửi giỗ thường là những người không có con trai nối dõi, người độc thân, người cô đơn không nơi nương tựa. Tuy nhiên, cũng có người lại xin gửi giỗ vào đình, chùa với quan niệm mong cho con cháu sau này làm ăn phát đạt, gặp nhiều sự tốt lành trong cuộc sống. Tục gửi giỗ còn bắt nguồn từ quan niệm “trần sao âm vậy”.

Ngày giỗ trở thành một ngày rất quan trọng trong tín ngưỡng của người Việt. Trong xã hội quân chủ chuyên chế, với quan niệm có phần trọng nam khinh nữ - “con gái là con người ta”, nên người xưa, nếu không có con trai thì sẽ bị coi là “tuyệt tự”. Vì thế, khi cha mẹ qua đời, chỉ con trai mới được thờ cúng bố mẹ, còn con gái khi đã xuất giá theo chồng sẽ không được thờ cúng cha mẹ tại nhà chồng. Chính vì lẽ đó mà tục gửi giỗ cho bản thân và cha mẹ, họ hàng... đã trở thành nhu cầu, tạo niềm tin, sự yên tâm của người đang sống khi nghĩ về bên kia thế giới.

Nhiều người do không có con trai, cho con gái được thừa tự, đã nảy sinh tranh chấp giữa nội tộc và ngoại tộc, giữa con rể và những người trong họ. Điều này đã được Phạm Đình Hổ nhắc đến trong *Vũ trung tùy bút*, phần Thừa tự có chép: “Nước ta có lệ người nào không có con trai thì cho con gái ăn thừa tự, không biết cái lệ ấy có từ đời nào? Ôi! Nội ngoại đã chia ra hai họ, không lẽ lại hợp cả thân sơ mà cúng tế; hợp tế nội ngoại như thế thì loạn mất luân thường. Huống chi thế thứ càng ngày càng xa, ân tình càng ngày càng bạc, có khi chưa đến hàng tứ đại... Bởi vậy, cổ nhân phải chăm lo về sự nối dõi, chi trưởng không có con nối dõi thì cho chi thứ kế tự, chứ không để cho con gái kế tự. Ta thường đời gần đây có kẻ là con rể hoặc cháu ngoại mà cũng dự chia của, chia ruộng, có khi còn trực muốn tranh phần hơn người thân cận; khi để trở lại cứ theo như lệ thường, nếu có phải phụng dưỡng sớm khuya,

\* *Ban Quản lý Di tích và danh thắng Hà Nội*

thì cháu nội lại khó nhọc hơn cháu ngoại, thậm chí đến nỗi gây ra oán thù, tranh chấp. Từ đó mà xuất hiện nhiều mâu thuẫn trong nội bộ anh em; thậm chí còn nảy sinh ra oán giận mà nổi dậy tranh chấp, kiện đến cả triều đình, từ đó khiến cho tài sản trở thành của hồi lộ cho các tham quan...<sup>3</sup>.

Với tình hình phức tạp nêu trên, tâm lý của những người không có con trai không muốn nhận nuôi người khác họ để làm người thừa kế, bởi sẽ tạo ra nhiều tranh chấp giữa những người trong nội tộc và ngoại tộc. Vì vậy mà mới có phong tục “kỵ kị” (gửi giỗ).

Bia gửi giỗ (Kí kị bi, Hậu kị bi...) là loại bia phổ biến trong các di tích lịch sử - văn hoá và chiếm số lượng lớn. Nội dung của loại bia này là liệt kê tên họ, số tiền, số ruộng và ngày giỗ cùng các đồ cúng lễ của những người gửi giỗ được khắc vào bia. Về điểm này, có nhiều ý kiến cho rằng, bia gửi giỗ giống với bia hậu. Song, thực chất hai loại bia này khác nhau về những điểm cơ bản, bởi bia gửi giỗ là loại bia đại trà, mang tính chất bằng cứ giữa bên gửi và bên nhận, thân chủ gửi tiền hoặc ruộng để các cơ sở thờ tự sử dụng số tiền đó làm giỗ lâu dài cho thân nhân, hoặc chính bản thân họ sau khi qua đời, chứ không đóng góp tiền của để làm công đức. Vì vậy, họ không được hưởng các quyền lợi khác như Hậu. Hơn nữa, nếu xét về tài sản đóng góp thì bia gửi giỗ thường ít hơn so với tài sản đóng góp để được bầu Hậu. Gửi giỗ có thể gửi ở nhà thờ họ, chùa, đình, đền, còn bia hậu không thể có ở nhà thờ họ được. Bia hậu mang tính chất nêu gương tốt về phẩm giá, đạo đức cho đời sau.

### 1.1. Về số lượng:

Theo kết quả thống kê (Bảng 1): tổng số bia gửi giỗ là 511 bia (chiếm 54%). Quận Hai Bà Trưng có số lượng bia gửi giỗ nhiều nhất (75%), tiếp sau là Ba Đình (62,9%), Tây Hồ (62,2%), Cầu Giấy (55,2%), Đống Đa (42,2%), ít nhất là Hoàn Kiếm (37,3%). Bia gửi giỗ được ra đời trong hoàn cảnh (thường thì) trong thôn, phường có những việc chi dùng lớn như: tôn tạo, trùng tu di tích, làm đường, xây cầu, phu phen tạp dịch, nộp thuế, đi lính... và những việc công khác do người dân không đủ tiền nộp, vì vậy, cần huy động tiền trong dân. Những người có nhu cầu, nhân những dịp đó xin nộp tiền, ruộng giúp dân chi dùng vào việc chung, để gửi giỗ cho

bản thân và gia đình. Bia Kí kị (Gửi giỗ) tại đình Nhật Tân (phường Nhật Tân, quận Tây Hồ) cho biết: “Năm Minh Mệnh thứ 10 (1829), xóm Trung Hương, phường Nhật Chiêu có lễ mừng cầu, tốn kém nhiều, bà họ Đỗ cúng 22 quan tiền và 2 sào 10 thước ruộng để gửi giỗ cho bản thân”. Bia Kí kị tại chùa Chúc Thánh (phường Bưởi, quận Tây Hồ), niên hiệu Tự Đức 11 (1858) ghi: “Bản phường phải đắp đê mới, chi phí lớn, cuộc sống của nhân dân nghèo khó, mọi người đóng góp không đủ, bà Nguyễn Thị Vạn đã bỏ 300 quan giúp dân chi dùng và xin gửi giỗ cho bản thân”. Bia Họ Trương, niên hiệu Tự Đức 12 (1859) tại chùa Cống Yên (phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình) ghi: “Nhân việc thôn đào giếng ở xứ Kho Than của trại Vạn Bảo, bà Trương Thị Năm đã cúng 80 quan giúp đỡ, xin gửi giỗ cho cha mẹ”.

Bia “Kí kị hậu bi”, niên hiệu Khải Định 7 (1922) tại chùa Chiêu Thiền (chùa Láng) (phường Láng Thượng, quận Đống Đa) ghi việc: “Bà Phạm Thị Mai xuất 50 quan giúp trại tu bổ chùa và mua 5 sào ruộng để gửi giỗ cho chồng và bản thân”. Bia Hậu Phật chùa Càn An (phường Nam Đồng, quận Đống Đa) cho biết vào năm Bảo Đại 6 (1931): “Sư trụ trì chùa Càn An trùng tu chùa, nhu phí quá lớn, công trình vĩ đại, bà Trần Thị Tinh xuất 100 đồng gửi giỗ cho cha mẹ”. Bia gửi giỗ (không ghi niên đại), chùa Kim Liên (phường Phương Liên, quận Đống Đa) cho biết: “Do trong thôn tiến hành thu quốc trái, tốn kém rất nhiều, bà Nguyễn Thị Tôn Nghiêm, người bản phường đã nộp 60 quan và 3 sào ruộng xin gửi giỗ cho những người thân trong gia đình”.

Trong quan niệm của người xưa, những người không có con hoặc sinh con một bề (con gái) đều bị coi là “tuyệt tự”. Vì vậy, để cho linh hồn khi sang thế giới bên kia vẫn có nơi thờ cúng, họ đã gửi giỗ vào các đình, đền, chùa mong sao để được sự thờ cúng mãi mãi. Bia gửi giỗ tại đình Nhật Tân (phường Nhật Tân, quận Tây Hồ), niên hiệu Thành Thái 3 (1891) cho biết: “Ông Nguyễn Văn Đột cúng 15 quan tiền, 1 sào 5 thước xin gửi giỗ cho người chú họ”; bia Hậu kị bi kí, niên hiệu Thành Thái thứ 15 (1903), tại chùa Thịnh Quang (phường Thịnh Quang, quận Đống Đa) ghi việc: “Bà Nguyễn Thị Tấn vốn chỉ có 3 người con gái nên đã cúng tiền và ruộng vào chùa để được cúng giỗ”.

### 1.2. Về niên đại:

**Bảng 1: Văn bia gửi giỗ ở Thăng Long - Hà Nội (đơn vị tính: văn bia)**

<i>Quận</i>	<i>Tổng số văn bia</i>	<i>Bia gửi giỗ</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
Ba Đình	175	110	62,9%
Tây Hồ	164	102	62,2%
Cầu Giấy	29	16	55,2%
Hai Bà Trưng	144	108	75%
Hoàn Kiếm	177	66	37,3%
Đống Đa	258	109	42,2%
<b>Tổng cộng</b>	<b>947</b>	<b>511</b>	<b>54%</b>

**Bảng 2: Bia gửi giỗ thời Nguyễn (đơn vị tính: văn bia)**

<i>Niên đại</i>	<i>Ba Đình</i>	<i>Tây Hồ</i>	<i>Cầu Giấy</i>	<i>Hai Bà Trưng</i>	<i>Hoàn Kiếm</i>	<i>Đống Đa</i>	<i>Cộng</i>
Gia Long	1	1	0	1	0	0	3
Minh Mệnh	0	4	0	5	1	1	11
Triệu Trị	0	10	0	2	0	1	13
Tự Đức	3	11	5	20	11	10	60
Kiến Phúc	0	1	0	0	0	0	1
Thành Thái	10	11	2	16	4	18	61
Đồng Khánh	0	2	1	1	4	0	8
Duy Tân	1	4	1	10	3	15	34
Khải Định	14	2	0	9	5	19	49
Bảo Đại	58	34	7	37	22	33	191
Không xác định	23	22	0	7	16	12	80
<b>Tổng số</b>	<b>110</b>	<b>102</b>	<b>16</b>	<b>108</b>	<b>66</b>	<b>109</b>	<b>511</b>

**Bảng 3: Phân loại bia gửi giỗ theo loại hình di tích (đơn vị tính: văn bia)**

<i>Quận</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Đình</i>	<i>Đền, Miếu, Phủ</i>	<i>Chùa</i>
Ba Đình	110	7 (6,4%)	4 (3,6%)	99 (90%)
Tây Hồ	102	4 (3,9)	21 (20,6%)	77 (75,5%)
Cầu Giấy	16	3 (18,8%)	1 (6,3%)	12 (75%)
Hai Bà Trưng	108	5 (4,6%)	0 (0%)	103 (95,4%)
Hoàn Kiếm	66	20 (30,2%)	17 (25,8%)	29 (44%)
Đống Đa	109	14 (12,8%)	0 (0%)	95 (87,2%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>511 (100%)</b>	<b>53 (10,3%)</b>	<b>43 (8,4%)</b>	<b>418 (81,2%)</b>

Niên đại ra đời của bia gửi giỗ tương đối muộn, chủ yếu vào thời Nguyễn và tập trung phần lớn tại các chùa. Vào đầu thời Nguyễn, số bia gửi giỗ không nhiều, tuy nhiên, đến cuối thời Nguyễn, đặc biệt là thời Bảo Đại, số bia gửi giỗ tăng lên đột biến, thậm chí những bia không ghi niên đại, nhưng đối chiếu địa danh ghi trong văn bia thì phần lớn những bia này cũng được lập vào thời kỳ này.

Kết quả thống kê (Bảng 2) cho thấy: bia thời Bảo Đại có số lượng nhiều nhất: 191 bia (chiếm 37,4%), bia thời Tự Đức, Thành Thái, có số lượng gần tương đương nhau (khoảng 11,9%), Khải Định (49 bia), Duy Tân (34 bia), Minh Mệnh, Thiệu Trị (từ 11 đến 13 bia), ít nhất là bia thời Đồng Khánh (8 bia), Gia Long (3 bia), Kiến Phúc (1 bia).

Niên hiệu Gia Long kéo dài 18 năm, có 3 bia; tiếp

**Bảng 4: Đối tượng gửi giỗ (đơn vị tính: văn bia)**

Quận	Tổng số văn bia gửi giỗ	Đối tượng gửi giỗ		
		Quý tộc, quan lại	Bình dân	Tầng lớp khác (sư sãi, người ngoại quốc)
Ba Đình	110	1	108	1
Tây Hồ	102	0	98	4
Cầu Giấy	16	0	16	0
Hai Bà Trưng	108	1	107	0
Hoàn Kiếm	66	3	62	1
Đống Đa	109	0	106	3
<b>Tổng cộng</b>	<b>511</b>	<b>5</b>	<b>497</b>	<b>9</b>
Tỷ lệ (%)	100	1	97,3	1,7

theo là Minh Mệnh 20 năm (1820 - 1840), có 11 bia; Thiệu Trị 6 năm (1841- 1847), có 13 bia; Tự Đức kéo dài 35 năm (1848 - 1883), có 60 bia. Nhưng càng về sau, số lượng bia gửi giỗ xuất hiện ngày một nhiều. Niên hiệu Thành Thái (1889 - 1907), trong vòng 18 năm với 61 văn bia; đến thời Duy Tân (1907 - 1916), chỉ trong 9 năm đã có 34 văn bia; thời Khải Định - 9 năm (1916 - 1925), có 49 văn bia và đến thời Bảo Đại (1926 - 1945) con số văn bia đã tăng đến 191 văn bia.

Sự tăng lên đó phụ thuộc vào một trong những yếu tố:

- Thứ nhất: Vào thời Nguyễn, tuy Thăng Long - Hà Nội không còn là kinh đô, nhưng vẫn là nơi mà nền kinh tế công thương nghiệp dân gian rất phát triển: "Tầng lớp thị dân của phố phường Hà Nội ngày càng ổn định và lớn mạnh về chất với nhu cầu thanh lịch và xa xỉ, tất cả những điều đó đã kích thích những phường thôn thủ công chuyên nghiệp trong việc sản xuất ra một khối lượng hàng hóa ngày càng lớn với một chất lượng ngày càng tinh xảo..." và "... sự phát triển của các phương tiện giao thông đường thủy trên các tuyến đường sông liên vùng và nội thị, sự cải tiến hệ thống đường bộ với thành lập các trạm trên các trục giao thông đi Kinh Bắc, Sơn Tây và con đường thiên lý vào Kinh cũng tạo nên một thị trường rộng lớn, hữu hiệu với các tuyến giao thông Bắc - Nam"<sup>4</sup>. Tất cả những yếu tố trên đã kích thích kinh tế của các tầng lớp xã hội, đặc biệt là tầng lớp bình dân trở nên sung túc hơn. Những làng hoặc những cơ sở tôn giáo cần kinh phí đã gợi ý, vận động những người có tiền, của muốn được gửi giỗ bằng một khoản tiền bạc hoặc ruộng

đất nhất định do làng định ra. Và lại, việc nộp tiền và dựng bia cũng dễ dàng hơn các giai đoạn trước.

- Thứ hai: Ngoài yếu tố về mặt kinh tế, một phần do tâm lý xã hội bất ổn. Vào cuối triều Nguyễn, đặc biệt là từ sau khi Hà Nội trở thành nhượng địa của thực dân Pháp, đời sống của người dân Thăng Long- Hà Nội từ người làm chủ trở thành nô lệ. Với tư tưởng mặc cảm, thiếu niềm tin vào chính quyền, người dân đã tìm đến các cơ sở thờ tự mong được trấn an, giải thoát về mặt tinh thần. Càng về giai đoạn cuối Nguyễn, bia gửi giỗ xuất hiện ngày càng nhiều, đã phản ánh thực trạng xã hội lúc đó, đặc biệt là thời Bảo Đại, gửi giỗ được xem như "một trào lưu" trong xã hội.

### 1.3. Phân bố của bia gửi giỗ:

Bia gửi giỗ phân bố rải rác trong các quận huyện, có nơi nhiều, nơi ít và phụ thuộc vào loại hình di tích.

Theo thống kê (Bảng 3): số lượng bia gửi giỗ tại chùa chiếm 81,2%, đình 10,3%, đền, miếu, phủ... chiếm 8,4%. Như vậy, bia gửi giỗ ở chùa gấp 4,3 lần số bia gửi giỗ tại đình, đền, miếu, nhà thờ. Quận Hai Bà Trưng có số lượng bia gửi giỗ tại chùa nhiều nhất (95,4%), sau đó là Ba Đình (90%), Đống Đa (87,2%), Tây Hồ (75,5%), Cầu Giấy (75%), Hoàn Kiếm (44%).

Sự phân bố trên phụ thuộc vào các yếu tố như: loại hình di tích, tình hình kinh tế của mỗi địa phương... Những địa phương có nhiều bia gửi giỗ tại chùa thường có số lượng chùa nhiều hơn đình, đền và có nhiều ngôi chùa nổi tiếng (như ở quận Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa). Cũng có thể do các thủ tục, qui định của việc gửi giỗ ở những nơi này đã khuyến khích được các tầng lớp trong xã hội

tham gia đóng góp cho những hoạt động: trùng tu di tích, tô tượng, đúc chuông... Mặt khác, trong quan niệm của người Việt, Phật luôn là đấng tối cao có thể che chở, cứu khổ, cứu nạn những kiếp đời đau khổ, đến với ngôi chùa là đến với sự bình an, thư thái. Có lẽ vậy mà chùa được người dân tìm đến gửi giỗ nhiều nhất trong các loại hình di tích khác, bởi họ tin rằng, Phật là người có đủ quyền năng vô hạn để trừ tà ma, diệt quỷ... , được ăn mày cửa Phật là điều hạnh phúc nhất đối với các vong linh khi về thế giới bên kia.

Bia gửi giỗ tại đình, đền, miếu... chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (18,7%). Quận Hoàn Kiếm có số lượng bia gửi giỗ tại đình, đền, miếu nhiều nhất (56%), sau đó là Cầu Giấy (25%), Tây Hồ (24,5%), Đống Đa (12,8%), Ba Đình (10%), Hai Bà Trưng (4,6%). Sở dĩ có tình trạng trên là do sự phân bố về loại hình di tích tại các địa phương không đồng đều. Quận Hoàn Kiếm có số lượng đình, đền, miếu gấp hơn 2 lần di tích chùa, đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến số lượng bia gửi giỗ của đình, đền nhiều hơn chùa. Mặt khác, có thể do những qui định gửi giỗ tại đình, đền đòi hỏi sự khắt khe hơn so với chùa (không phù hợp với đối tượng như: phụ nữ, người ngụ cư), vì vậy, không thu hút được mọi đối tượng trong xã hội tham gia đóng góp.

#### 1.4. Đối tượng gửi giỗ:

Thăng Long - Hà Nội là nơi hội tụ của bốn phương, với đủ các giai tầng xã hội, chính vì vậy mà đối tượng gửi giỗ cũng phong phú, bao gồm đủ các tầng lớp, nhưng nhiều nhất vẫn là tầng lớp bình dân, đây là tầng lớp đông đảo trong xã hội, họ có điều kiện kinh tế không cao, nhưng lại có nhu cầu gửi giỗ lớn hơn các tầng lớp khác.

Kết quả thống kê (Bảng 4) cho thấy: sự cách biệt giữa các tầng lớp gửi giỗ khá rõ rệt. Đối với tầng lớp quý tộc, quan lại, họ là những người được hưởng bổng lộc của triều đình, để nâng cao vị thế và uy tín của bản thân đối với làng xã, họ thường bỏ khá nhiều tiền, của cho những việc chung của làng. Vì vậy, khi xét đến công lao, dân làng đã bầu họ làm Hậu và lễ đương nhiên, họ được hưởng sự thờ cúng dài lâu, vì vậy họ không cần phải gửi giỗ vào đình, chùa nữa. Còn tầng lớp bình dân, do không có điều kiện đóng góp cho các hoạt động chung của làng xã như tầng lớp quý tộc, quan lại, để được thờ cúng

lâu dài, họ phải tự nguyện nộp tiền, ruộng cho các cơ sở tôn giáo để các cơ sở này làm giỗ cho họ theo như giao ước đã ghi trong văn bia.

Bên cạnh hai tầng lớp trên, những người ngoại quốc đến Thăng Long làm ăn, buôn bán, vì một lý do nào đó họ không có điều kiện về quê thì họ cũng gửi giỗ cho bố mẹ, họ hàng trong các cơ sở thờ tự, ví dụ Bia gửi giỗ tại chùa Kim Yên (Xã Đàn), phường Nam Đồng, quận Đống Đa, niên hiệu Quang Tự 15 (1885)<sup>5</sup> cho biết, một gia đình người Hoa đã cúng rất nhiều tiền và ruộng để gửi giỗ cho gia tiên: "Thực ra, gia tiên bên nội, bên ngoại có khi là người Bắc (Trung Quốc), có khi là người Nam (Việt Nam) đều có việc phụng sự hương hỏa cốt ở lòng mình. Do vậy, cảm thấy không yên, bèn mua ruộng 8 sào, 10 thước ở phường Xã Đàn, tổng Yên Hòa, tỉnh Hà Nội làm phần mộ cho gia tiên và làm ruộng hương hỏa cúng giỗ vào ngày kỵ và tứ thời bát tiết... Trừ số ruộng làm lăng mộ là 1 sào 10 thước, ngoài ra còn 7 sào qui vào chùa của bản phường lập bia thờ tự ở bên trái chùa. Giao cho quan viên bản phường chuyển giao cho sư trụ trì làm giỗ. Hàng năm cứ vào xuân thu nhị kỳ, ngày 15 thì hợp tự các vị đó..." đồng thời có liệt kê các ngày giỗ của hai bên nội, ngoại.

Bia gửi giỗ tại chùa Ngũ Xã, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, niên hiệu Bảo Đại Quý Mùi (1943) ghi việc gửi giỗ của một gia đình người Hoa sống tại Thăng Long - Hà Nội: "... Nay nước Đại Nam, thành Hà Nội phố Ngõ Gạch số nhà 29A có người Hoa tên là Lý Văn Minh thấy: Chùa Thần Quang là nơi được dựng lên để thờ Phật, lại nghĩ Phật pháp ít gặp, đất phúc khó tìm. Nhớ lại cha mẹ đã mất ngày đêm nhớ nhung, sớm tối không yên. Bởi vậy không tiếc tiền tài tự bỏ của nhà 500 đồng lớn. Số tiền cúng được chính tay hòa thượng Vĩnh Tường nhận để đem làm việc phúc gửi giỗ cho cha mẹ, anh em. Hàng năm đến ngày giỗ nhờ Hòa thượng bày biện 1 mâm cơm chay, 5 thứ quả, 1 nải chuối, đọc kinh niệm chú trước bàn thờ để cầu cho vong linh những người đã mất được hưởng nạp. Nay khắc vào bia đá để lưu truyền lại lâu dài..."

#### 2. Nhận xét

Gửi giỗ vốn là phong tục tốt đẹp của người Việt bắt nguồn từ thực tiễn đạo hiếu của cuộc sống thể hiện tình cảm giữa người sống với người đã khuất trên cơ sở niềm tin về sự bất tử của linh hồn. Đây có



Một bia khoán ước ở Hà Nội (thế kỷ XVII) -

Ảnh: Nguyễn Thúc

thể là sự kết hợp giữa tín ngưỡng/tục thờ cúng người thân với Phật giáo, thể hiện một nét bản địa hóa của Phật giáo<sup>6</sup>. Tục gửi giỏ dưới thời xưa được coi như một sự cứu cánh về mặt tinh thần cho những người không có con trai nối dõi.

Bia gửi giỏ ở Thăng Long - Hà Nội có niên đại tương đối muộn so với các loại bia khác<sup>7</sup>, chỉ từ nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX mới thấy bia gửi giỏ phát triển mạnh, nhất là thời Bảo Đại, chiếm số lượng rất lớn. Sự phát triển này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, ngoài yếu tố do kinh tế phát triển thì sự bất ổn xã hội cũng là một nguyên nhân đẩy các tầng lớp nhân dân tìm đến thần linh, mong được

cứu vớt. Mặt khác, chính do sự cưỡng bức văn hóa của người Pháp (du nhập nền văn hóa Tây học vào một bộ phận xã hội, bỏ nền văn hóa Hán học, thay đổi một số thói quen truyền thống, tìm mọi cách du nhập tôn giáo lạ (Thiên chúa giáo) đã gây ra tình trạng xung đột văn hóa, mà biểu hiện là các tập tục, truyền thống lại càng được khơi dậy để tạo sức mạnh chống lại nền văn hóa ngoại lai./.

N.D.T - N.T.T

#### **Chú thích:**

1- Tương đương với các quận: Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Ba Đình, Tây Hồ và phường Nghĩa Đô của quận Cầu Giấy hiện nay.

2- Niên đại của văn bia tính từ khi xuất hiện cho tới năm 1945. Trong số này, bia ghi công (bia trùng tu, công đức): 208 bia; bia thuật đức (để danh): 88 bia; bia ghi việc (hậu thân, hậu Phật, hậu hiền, gửi giỏ, sắc chỉ, lệnh chỉ)... là 651 bia.

3- Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 56.

4- Nguyễn Thừa Hỷ, "Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVI I- XVIII - XIX (kinh tế - xã hội của một thành thị trung đại Việt Nam)" - *Luận án PTS Khoa học Lịch sử*, Viện Sử học Việt Nam, 1993, tr. 59.

5- Văn bia không ghi niên hiệu triều vua Việt Nam.

6- Trần Kim Anh, "Bia hậu ở Việt Nam", *Tạp chí nghiên cứu Hán - Nôm*, số 3, (2004), tr. 47 - 55.

7- Theo tác giả Trần Kim Anh thì: Tục gửi giỏ ở nước ta có từ thời Trần, tuy nhiên văn bia gửi giỏ mới chỉ xuất hiện từ thời Lê sơ trở về sau.